

Số: 1846 /QĐ-UBND

Xuyên Mộc, ngày 21 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn năm 2018 do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện Xuyên Mộc**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07/3/2012 và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương mới cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/07/2013 của Bộ Nội vụ v/v hướng dẫn thực hiện chế độ nâng lương thường xuyên và nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 29/05/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Về việc phân bổ chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn năm 2018 do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp hội có tính chất đặc thù thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện Xuyên Mộc,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn năm 2018 do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Xuyên Mộc, tổng chỉ tiêu là 273 chỉ tiêu (danh sách đính kèm).

Chỉ tiêu năm 2018 này có giá trị đến hết quý I năm 2019 để các cơ quan, đơn vị xét nâng lương trước thời hạn năm 2018 đối với các đối tượng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/07/2013 của Bộ Nội vụ.

**Điều 2.** Căn cứ chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được phân bổ tại Điều 1 Quyết định này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định tiêu chuẩn, cấp độ về lập thành tích xuất sắc trong thực

hiện nhiệm vụ ban hành kèm theo Quyết định số 4241/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của UBND huyện Xuyên Mộc và hướng dẫn tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 để xét và quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc nâng bậc lương trước hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc cơ quan, đơn vị mình.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện Xuyên Mộc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy;
- Phòng TC-KH;
- KBNN huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *me*



**Đặng Thanh Minh**



**CHỈ TIÊU NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2018 DO LẬP THÀNH TÍCH  
XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH  
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC UBND HUYỆN XUYỀN MỘC**

(kèm theo quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 21/6/2018  
của UBND huyện Xuyên Mộc)



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng CBCC-VC, NLĐ hiện có tính đến 30/5/2018			Chỉ tiêu nâng lương trước thời hạn được phân bổ (10%)
		Tổng	CBCC- VC, NLĐ	HDLĐ 68	
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Cơ quan hành chính</b>	<b>125</b>	<b>104</b>	<b>21</b>	<b>13</b>
1	Thường trực HĐND, UBND huyện và Văn phòng UBND huyện	36	25	11	4
2	Phòng Nội vụ	9	8	1	1
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	13	11	2	1
4	Phòng Văn hóa và Thông tin	6	6		1
5	Phòng Nông nghiệp và PTNN	11	7	4	1
6	Phòng Lao động Thương binh và xã hội	9	8	1	1
7	Thanh tra huyện	5	5		1
8	Phòng Giáo dục và đào tạo	13	11	2	1
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường	8	8		1
10	Phòng Dân tộc	2	2		0
11	Phòng Tư pháp	3	3		0
12	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	6	6		0
13	Phòng Y tế	4	4		1
<b>II</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp khác</b>	<b>83</b>	<b>74</b>	<b>9</b>	<b>8</b>
1	BQL Các khu du lịch	20	18	2	2
2	Trung tâm Văn hóa	22	17	5	2
3	Đài Truyền thanh huyện	10	9	1	1



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng CBCC-VC, NLD hiện có tính đến 30/5/2018			Chỉ tiêu nâng lương trước thời hạn được phân bổ (10%)
		Tổng	CBCC-VC, NLD	HĐLĐ 68	
I	2	3	4	5	6
4	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng	25	24	1	2
5	Trung tâm Phát triển quỹ đất	6	6		1
<b>III</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp giáo dục</b>	<b>2,262</b>	<b>1,960</b>	<b>302</b>	<b>226</b>
<b>a</b>	<b>Mầm non</b>	<b>605</b>	<b>441</b>	<b>164</b>	<b>60</b>
1	Trường Mẫu giáo Bình Châu	23	15	8	2
2	Trường Mầm non Ánh Dương	35	23	12	4
3	Trường Mầm non Bưng Riềng	25	19	6	3
4	Trường Mầm non Bông Trang	15	10	5	2
5	Trường Mầm non Búp Sen Hồng	43	30	13	4
6	Trường Mầm non 19/5	22	16	6	2
7	Trường Mầm non Hòa Hội	30	23	7	3
8	Trường Mầm non Xuyên Mộc	30	22	8	3
9	Trường Mầm non 1/6	41	32	9	4
10	Trường Mầm non Phước Bửu	34	26	8	3
11	Trường Mầm non Hường Dương	33	24	9	3
12	Trường Mẫu giáo Phước Tân	34	26	8	3
13	Trường Mẫu giáo Hòa Bình	32	24	8	3
14	Trường Mẫu giáo Hòa Hưng	25	19	6	3
15	Trường Mẫu giáo Bà Lâm	29	21	8	3
16	Trường Mầm non Tân Lâm	28	19	9	3
17	Trường Mầm non Thanh Bình	23	17	6	2
18	Trường Mầm non Hoa Hồng	19	13	6	2
19	Trường Mầm non Sao Mai	21	15	6	2
20	Trường Mầm non Hoa Mai	14	10	4	1



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng CBCC-VC, NLĐ hiện có tính đến 30/5/2018			Chỉ tiêu nâng lương trước thời hạn được phân bổ (10%)
		Tổng	CBCC- VC, NLĐ	HĐLĐ 68	
1	2	3	4	5	6
21	Trường Mầm non Hoa Sen	49	37	12	5
<b>b</b>	<b>Tiểu học</b>	<b>920</b>	<b>829</b>	<b>91</b>	<b>92</b>
1	Trường Tiểu học Bình Châu	36	33	3	3
2	Trường Tiểu học Tiểu học Thanh Bình	39	36	3	4
3	Trường Tiểu học Lê Minh Châu	51	47	4	5
4	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định	18	15	3	2
5	Trường Tiểu học Bung Riêng	38	35	3	4
6	Trường Tiểu học Bông Trang	16	13	3	2
7	Trường Tiểu học Xuyên Mộc	48	44	4	5
8	Trường Tiểu học Hòa Hội	29	26	3	3
9	Trường Tiểu học Kim Đồng	24	21	3	2
10	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	53	49	4	5
11	Trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa	42	39	3	4
12	Trường Tiểu học Trần Phú	39	36	3	4
13	Trường Tiểu học Láng Sim	38	35	3	4
14	Trường Tiểu học Phước Bửu	53	49	4	5
15	Trường Tiểu học Huỳnh Minh Thạnh	39	36	3	4
16	Trường Tiểu học Hồ Tràm	17	14	3	2
17	Trường Tiểu học Gò Cát	16	13	3	2
18	Trường Tiểu học Phước Tân	40	37	3	4
19	Trường Tiểu học Võ Nguyên Giáp	25	22	3	2
20	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	28	25	3	3
21	Trường Tiểu học Nguyễn Trường Tộ	26	20	6	2
22	Trường Tiểu học Hòa Bình	37	34	3	4
23	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	18	15	3	2



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng CBCC-VC, NLD hiện có tính đến 30/5/2018			Chỉ tiêu nâng lương trước thời hạn được phân bổ (10%)
		Tổng	CBCC- VC, NLD	HĐLĐ 68	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
24	Trường Tiểu học Hòa Hưng	29	26	3	3
25	Trường Tiểu học Lê Lợi	17	14	3	2
26	Trường Tiểu học Bàu Lâm	47	44	3	5
27	Trường Tiểu học Ngô Quyền	21	18	3	2
28	Trường Tiểu học Thống Nhất	36	33	3	3
<b>c</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	<b>737</b>	<b>690</b>	<b>47</b>	<b>74</b>
1	Trường THCS Bình Châu	93	89	4	9
2	Trường THCS Bung Riêng	35	32	3	4
3	Trường THCS Bông Trang	25	22	3	3
4	Trường THCS Xuyên Mộc	50	47	3	5
5	Trường THCS Hòa Hội	51	48	3	5
6	Trường THCS Hòa Hiệp	96	92	4	9
7	Trường THCS Phước Bửu	97	93	4	10
8	Trường THCS Phước Thuận	28	25	3	3
9	Trường THCS Phước Tân	39	36	3	4
10	Trường THCS Chu Văn An	32	29	3	3
11	Trường THCS Quang Trung	67	63	4	7
12	Trường THCS Hòa Hưng	28	25	3	3
13	Trường THCS Bàu Lâm	55	51	4	5
14	Trường THCS Tân Lâm	41	38	3	4
<b>VI</b>	<b>Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn</b>	<b>296</b>	<b>296</b>	<b>0</b>	<b>26</b>
1	Xã Bình Châu	23	23		2
2	Xã Bung Riêng	22	22		2
3	Xã Bông Trang	21	21		2
4	Xã Xuyên Mộc	22	22		2



STT Tên cơ quan, đơn vị

Số lượng CBCC-VC, NLD hiện có  
tính đến 30/5/2018

Chỉ tiêu nâng  
lương trước  
thời hạn được  
phân bổ (10%)

1	2	Số lượng CBCC-VC, NLD hiện có tính đến 30/5/2018			Chỉ tiêu nâng lương trước thời hạn được phân bổ (10%)
		Tổng	CBCC- VC, NLD	HDLĐ 68	
5	Xã Hòa Hội	25	25		2
6	Xã Hòa Hiệp	23	23		2
7	Thị trấn Phước Bửu	23	23		2
8	Xã Phước Thuận	22	22		2
9	Xã Phước Tân	23	23		2
10	Xã Hòa Bình	22	22		2
11	Xã Hòa Hưng	23	23		2
12	Xã Bàu Lâm	23	23		2
13	Xã Tân Lâm	24	24		2
	ng ng:	2,766	2,434	332	273